

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 3897/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 21 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Mở rộng tuyến đường từ Quốc lộ 19 đến nhà ông Tân Hòa Trung tại
xã Bình Tường, huyện Tây Sơn của UBND xã Bình Tường**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3256/STNMT-CCBVMT ngày 28/9/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Mở rộng tuyến đường từ Quốc lộ 19 đến nhà ông Tân Hòa Trung tại xã Bình Tường, huyện Tây Sơn của UBND xã Bình Tường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Mở rộng tuyến đường từ Quốc lộ 19 đến nhà ông Tân Hòa Trung đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 90/UBND ngày 09/10/2023 của UBND xã Bình Tường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1261/TTr-STNMT ngày 19/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Mở rộng tuyến đường từ Quốc lộ 19 đến nhà ông Tân Hòa Trung (sau đây gọi là Dự án) của UBND xã Bình Tường (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Bình Tường, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

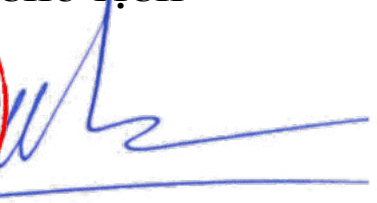
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Tường;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN MỞ RỘNG TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 19 ĐẾN
NHÀ ÔNG TÂN HÒA TRUNG TẠI XÃ BÌNH TƯỜNG,
HUYỆN TÂY SƠN CỦA UBND XÃ BÌNH TƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Mở rộng tuyến đường từ Quốc lộ 19 đến nhà ông Tân Hòa Trung.

- Địa điểm thực hiện: Thôn Hòa Trung, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án: UBND xã Bình Tường.

- Địa chỉ liên hệ: Xã Bình Tường, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Dự án Mở rộng tuyến đường từ Quốc lộ 19 đến nhà ông Tân Hòa Trung có chiều dài đoạn tuyến là 467,95 m. Phạm vi xây dựng tuyến đường như sau:

+ Điểm đầu tuyến: Giáp tuyến đường Quốc lộ 19, thuộc thôn Hòa Trung, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Toạ độ: 1.539.642; 569.335.

+ Điểm cuối tuyến: Giáp với nhà ông Tân Hòa Trung, thuộc thôn Hòa Trung, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Toạ độ: 1.539.443; 569.195.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: Các hạng mục đền bù, giải phóng mặt bằng; khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án: Xây dựng tuyến đường với tổng chiều dài 467,95 m; tải trọng trục thiết kế 6 tấn; vận tốc thiết kế 20 km/h; từ Km0 đến Km 0+292,82 mặt đường rộng 3 m, lề trái rộng 1 m, lề phải là 0,5 m; từ Km 292,82 đến Km 0+467,95 mặt đường rộng 9 m, lề hai bên rộng 1 m; công trình thoát nước qua tuyến đường.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: Hệ thống an toàn giao thông; 01 công trường thi công khoảng 200 m² (bố trí lán trại, bãi tập kết máy móc và nguyên vật liệu).

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: 01 nhà vệ sinh di động; các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại có dán nhãn cảnh báo; 01 bãi thải khoảng 679 m² tại thôn Hòa Trung, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn.

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 1619,9 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thải, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, có nguy cơ gây ngập úng, gián đoạn nguồn nước tưới, ảnh hưởng đến cảnh quan, hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ,...

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động duy tu, bảo dưỡng tuyến đường phát sinh chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Hoạt động của các phương tiện lưu thông trên tuyến đường phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 0,9 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng:

- + Phát sinh từ hoạt động rửa xe, rửa thiết bị thi công với lưu lượng khoảng 1 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- + Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, cát trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ các máy móc, thiết bị trong quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 12 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

- Chất thải rắn xây dựng:

- + Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh khoảng 100 kg.

- + Hoạt động bóc phong hóa phát sinh khoảng 168,41 m³.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu,... của máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển có khối lượng khoảng 12 kg trong quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu gồm: dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, ắc quy, pin thải,...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh với lượng nhỏ không đáng kể trong quá trình duy tu, bảo dưỡng.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

Hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm,.. hoạt động đầm nén nền đường phát sinh tiếng ồn ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực thi công Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải:

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa gây tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động thi công đắp nền đường gây cản trở hoạt động giao thông đi lại của người dân tại khu vực.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Về xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: thu gom và xử lý nước thải bằng nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít, hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: Tái sử dụng cho quá trình thi công xây dựng (tưới ẩm bề mặt công trường, tưới ẩm nguyên vật liệu) và phần còn lại sẽ bố trí hố lắng để lắng chất rắn lơ lửng trước khi thải ra môi trường.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín,

không để rơi vãi.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi tại khu vực thi công.
- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.
- Tưới ẩm nguyên vật liệu để giảm thiểu lượng bụi phát sinh từ hoạt động của trạm trộn bê tông.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Thu gom toàn bộ khối lượng đất, chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng xử lý theo quy định.

+ Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động đất bóc phong hóa: được vận chuyển đổ thải tại thôn Hòa Trung, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn với diện tích 679 m². Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường bãi thải khi kết thúc đổ thải.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án giảm thiểu tác động do hoạt động chiếm dụng đất lúa

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, ổn định sinh kế theo quy định cho các hộ dân chịu tác động do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với khoảng 1619,9 m² đất lúa bị chiếm dụng vĩnh viễn. Dự án chỉ triển khai sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải

phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.

- Đối với khu vực chiếm dụng tạm thời 200 m² bố trí bãi tập kết vật liệu, lán trại: sau khi kết thúc Dự án, tiến hành dọn dẹp mặt bằng, san gạt lớp đất mặt tạo bề mặt bằng phẳng trước khi bàn giao lại cho người dân địa phương.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, thoát nạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

- + 01 điểm đầu tuyến (KK1) (tọa độ 1.540.109; 568.650).

- + 01 điểm cuối tuyến (KK2) (tọa độ 1.539.665; 568.526).

- Thông số giám sát: Bụi lơ lửng, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
 - Quy chuẩn đánh giá:
 - + QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
 - + QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
- 5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và lưu giữ.